

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH ĐỊNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 23/2024/DS-PT

Ngày: 22/01/2024

V/v tranh chấp chia thừa kế tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH ĐỊNH

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Võ Công Phương.
- *Các Thẩm phán:* Ông Nguyễn Thanh Tuấn.
Ông Thái Văn Hà.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Nguyễn Hùng Cường là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa:*
Bà Nguyễn Thị Tú Oanh- Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 88/2023/TLPT-DS ngày 03 tháng 10 năm 2023 về việc tranh chấp chia thừa kế tài sản.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 47/2023/DS-ST ngày 26 tháng 05 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Hoài Ân bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 213/2023/QĐ-PT ngày 01 tháng 12 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Tô Thị C; cư trú tại: Thôn V, xã A, huyện H, tỉnh Bình Định; có mặt.

- *Bị đơn:*

- Bà Tô Thị T; có mặt.
- Ông Trần Quang C1; vắng mặt.

Cùng cư trú: Thôn D, xã A, huyện H, tỉnh Bình Định.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Ông Nguyễn Văn L (L1); vắng mặt.
- Anh Nguyễn Văn N; vắng mặt.
- Chị Nguyễn Thị G (Q); vắng mặt.
- Chị Nguyễn Thị C2 (L2) ; vắng mặt.

Cùng cư trú tại: Thôn H, xã Á, huyện H, tỉnh Bình Định.

5. Anh Nguyễn Thành C3; cư trú tại: Thôn H, xã P, huyện Đ, tỉnh Quảng Ngãi; vắng mặt.

6. Ông Tô Trung M (Văn M1); cư trú tại: Thôn L, xã Á, huyện H, tỉnh Bình Định; vắng mặt.

7. Ông Huỳnh T1; cư trú tại: Thôn T, xã Á, huyện H, tỉnh Bình Định; vắng mặt.

8. Ông Trần Tiến B; cư trú: Thôn V, xã Á, huyện H, tỉnh Bình Định; có mặt.

9. Bà Trần Thị L3; vắng mặt.

10. Anh Hoàng Đình D; vắng mặt.

11. Anh Hoàng Đình D1; vắng mặt.

12. Anh Hoàng Đình P; vắng mặt.

13. Chị Hoàng Thị N1; vắng mặt.

14. Anh Hoàng Đình N2; vắng mặt.

Cùng cư trú tại: Thôn D, xã Á, huyện H, tỉnh Bình Định.

- *Người kháng cáo:* Bà Tô Thị C là bị đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Tô Thị C trình bày:

Cha mẹ bà C là cụ Tô Trung M2 và cụ Trần Thị K có 02 người con chung tên Tô Thị T và bà là Tô Thị C. Cụ M2 có 02 người con riêng tên Tô Trung M và Tô Thị L4. Cụ K có 02 người con riêng tên Hoàng Đình L5 và Huỳnh Đình T2. Bà Tô Thị L4 (chết năm 2019), chồng bà L4 tên Nguyễn Văn L, các con bà L4 gồm có: Nguyễn Văn N, Nguyễn Thành C3, Nguyễn Thị G, Nguyễn Thị C2. Ông Hoàng Đình L5 chết, vợ ông L5 tên Trần Thị L3, các con ông L5 gồm: Hoàng Đình D, Hoàng Đình D2, Hoàng Đình P, Hoàng Thị N1, Hoàng Đình N2.

Ngày 21 tháng 11 năm 1998, cụ M2, cụ K có tổ chức họp gia đình viết một bản phân công kế nghiệp và phụng dưỡng. Sau khi họp gia đình xong, vợ chồng bà C thực hiện việc chăm sóc cho cha mẹ cũng như canh tác cùng cha mẹ trên các thửa đất mà cha mẹ đã và đang làm, riêng về 2 sào đất thổ canh giao cho 3 chị em Tô Thị T, Tô Thị C, Tô Thị L4 thì lúc này cha mẹ còn sống nên cha mẹ vẫn còn làm và bà C phụ thêm, sửa sang vườn tược nhà cửa, bắt điện sáng. Đến tháng 11 năm 1999 cụ Trần Thị K chết, tất cả anh chị em cùng lo mồ mã cho mẹ xong thì bà C vẫn ở chăm sóc cho cha bình thường. Trong thời gian này cha hay đau ốm vì tuổi già vợ chồng bà C đều thay nhau chăm sóc, đến năm 2002 (khoảng tháng 4-5) cụ M2 bệnh nằm bệnh viện H, vợ chồng bà C đi nuôi, bà T chỉ đến thăm thôi vì bà T làm nghề bán thịt heo nên không ở được, nằm viện được 4-5 ngày thì bà T xuống nói để bà T trực thay cho, ông Trần Tiến B đi về

khoảng 2-3 ngày sau thì ông M2 ra viện và bà T chở về nhà bà T ở H, Ân Tường T3 chăm sóc, thời gian này vợ chồng bà C vẫn lên xuống thăm nom ông M2. Ở nhà bà T được 5-6 ngày thì ông M2 bệnh nặng nên đưa về nhà ông M2 và cũng trong thời gian này bà T bắt đầu ngăn cản không cho bà C ở, bà C chỉ được về thăm nom chăm sóc cho ông M2 rồi về. Bà T không cho bà C canh tác vườn tược nữa mà bà T dành làm hết và bà T đã bán thửa đất thổ canh 2 sào mà trong biên bản đã giao cho 3 chị em làm chung. Đến tháng 6 năm 2002 ông M2 chết, kể từ thời gian này bà T cai quản sử dụng toàn bộ khối tài sản này không cho bà C lui tới canh tác gì cả. Các thửa đất trên đã giao quyền sử dụng cho cha mẹ bà C, hiện tại bà Tô Thị T cất giữ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tên cụ M2.

Cụ M2, cụ K chết để lại tài sản gồm: 01 ngôi nhà xây cấp 4 trên thửa đất số 543, tờ bản đồ số 2. Quyền sử dụng đất thửa số 543, tờ bản đồ số 2, có diện tích (400m^2 đất ở, 1.170m^2 đất vườn). Thửa đất màu số hiệu 461, tờ bản đồ số 2, diện tích 275m^2 ; Thửa đất lúa số hiệu 774, tờ bản đồ 02, diện tích 1.140m^2 . Toàn bộ tài sản nêu trên hiện bà Tô Thị T, ông Trần Quang C1 đang quản lý, sử dụng. Nay bà C khởi kiện đối với bà T, ông C1: Yêu cầu chia thừa kế của cụ M2, cụ K, bà C yêu cầu nhận nhà, quyền sử dụng đất, tài sản trên đất theo quy định của pháp luật.

Bị đơn bà Tô Thị T, ông Trần Quang C1 trình bày:

Về mối quan hệ gia đình cụ M2, cụ K có các người con, người cháu như bà Tô Thị C trình bày là đúng.

Cụ M2, cụ Trần Thị K được UBND huyện H cấp giấy chứng nhận QSDĐ đứng tên cụ M2 gồm các thửa đất số 543, tờ bản đồ số 02, diện tích (đất ở 400m^2 , đất vườn 1.170m^2); Thửa đất màu số 461, tờ bản đồ số 02, diện tích 275m^2 ; thửa đất lúa số 774, tờ bản đồ số 01, diện tích 1.140m^2 với tổng diện tích 2.985m^2 , theo số Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01542 QSDĐ/C11 ngày 06 tháng 9 năm 1997 là đúng.

Vào ngày 21 tháng 11 năm 1998 cụ M2, cụ K có tổ chức họp gia đình viết một bản phân công kế nghiệp và phụng dưỡng là đúng. Tuy nhiên, sau khi ông Tô Trung M không nhận và giao lại cho bà Tô Thị C, ông Trần Tiến B thì vợ chồng bà C, ông B không thực hiện, chỉ đến thăm, làm ruộng rồi đi về. Còn toàn bộ nội dung bà C trình bày việc nuôi dưỡng, chăm sóc cha mẹ là không đúng. Bà T, ông C1 xác định: Tài sản của cụ M2, cụ K để lại gồm: 01 ngôi nhà cấp 4, phần nhà trên còn nhưng đang bị hư hỏng, phần nhà dưới đã hư sập, vợ chồng bà tiên đã xây dựng lại bằng tiền của bà T, ông C1. Trên đất có 01 giếng nước, 02 cây mít, toàn bộ cây, công trình trên đất thì vợ chồng bà T mới trồng, xây dựng sau này.

Về đất, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tên cụ M2 thì bà T đang quản lý, sử dụng từ khi cụ M2 chết cho đến nay không ai tranh chấp. Trước kia, bà T có thỏa thuận cắt giao đất cho bà C 07m chiều ngang mặt đường, chiều dài là giáp đất liền kề phía sau nhà bà T, nhưng bà C không nhận. Nay bà T đã sử dụng ổn định, xây dựng công trình kiên cố, trồng cây lâu năm trên 20 năm nên

bà T không chấp nhận giao nhà, đất cho bà C, không đồng ý với yêu cầu khởi kiện chia thừa kế của bà C.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

- Ông Tô Trung M trình bày: Đồng ý với quan hệ gia đình cụ Tô Trung M2, cụ Trần Thị K có các người con, người cháu cũng như về giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, Bản phân công kế nghiệp và phụng dưỡng ngày 21 tháng 11 năm 1998 như bà C, bà T trình bày là đúng. Tuy nhiên, sau khi ông Tô Trung M không nhận và giao lại cho bà Tô Thị C, ông Trần Tiến B thì vợ chồng bà C, ông B không thực hiện, chỉ đến thăm, làm ruộng rồi đi về là đúng sự thật. Còn toàn bộ nội dung bà C trình bày việc nuôi dưỡng, chăm sóc cha mẹ là không đúng. Ông đề nghị Tòa án giải quyết chia thừa kế tài sản theo quy định của pháp luật. Phần thừa kế ông được nhận của cha mẹ, ông M tự nguyện giao lại cho bà T.

- Ông Huỳnh Đình T2 trình bày: Phần thừa kế ông T2 được nhận của cha mẹ, ông T2 tự nguyện giao lại cho bà T.

- Ông Nguyễn Văn L, bà Nguyễn Thị G, bà Nguyễn Thị C2 thống nhất trình bày: Yêu cầu chia theo pháp luật, yêu cầu được nhận tài sản.

- Ông Nguyễn Thành C3: Tòa án cấp sơ thẩm không lấy được lời khai.

- Bà Trần Thị L3, ông Nguyễn Văn N, ông Hoàng Đình D, ông Hoàng Đình D1, ông Hoàng Đình P, ông Hoàng Thị N1, ông Hoàng Đình N2 thống nhất trình bày: Từ chối không nhận thừa kế, đồng ý giao cho bà T, bà C chia theo quy định.

Bản án dân sự sơ thẩm số: 47/2023/DS-ST ngày 26 tháng 05 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Hoài Ân, tỉnh Bình Định đã quyết định:

1. Chấp nhận yêu cầu của bà Tô Thị C: Chia Thừa kế tài sản của cụ Tô Trung M2, cụ Trần Thị K theo pháp luật.

1.1 Xác định: Tài sản để lại thừa kế của cụ M2, cụ K gồm:

- Ngôi nhà cấp 4, 01 giếng nước, 02 cây Mít trên thửa đất số 543, tờ bản đồ số 02.

- Quyền sử dụng đất theo giấy chứng nhận QSDĐ tên cụ Tô Trung M2 gồm: Thửa đất số 543, tờ bản đồ số 02, diện tích (đất ở 400m², đất vườn 1.170m²); Thửa đất màu số 461, tờ bản đồ số 02, diện tích 275m²; Thửa đất lúa số 774, tờ bản đồ số 01, diện tích 1.140m².

Với tổng giá trị tài sản là 509.529.600 đồng.

1.2 Bà Tô Thị T, ông Trần Quang Công n, sở hữu:

+ Ngôi nhà cấp 4, 01 giếng nước, 02 cây Mít trên thửa đất số 543, tờ bản đồ số 02.

+ Quyền sử dụng đất theo giấy chứng nhận số 01542 QSDĐ/C11 ngày 06 tháng 9 năm 1997 đứng tên cụ Tô Trung M2 gồm: Thửa đất số 543, tờ bản đồ số

02, diện tích (đất ở 400m², đất vườn 1.170m²); Thửa đất màu số 461, tờ bản đồ số 02, diện tích 275m²; Thửa đất lúa số 774, tờ bản đồ số 01, diện tích 1.140m².

Bà T, ông C1 phải trả cho bà C số tiền giá trị chia thừa kế của cụ M2, cụ K là 143.687.347 đồng. Trả cho ông L, chị G, chị L2 với số tiền của mỗi người là 12.228.710 đồng.

1.3 Bà Tô Thị C nhận tài sản chia thừa kế của cụ M2, cụ K bằng giá trị tiền do bà T, ông C1 giao cho 143.687.347 đồng.

1.4 Ông Nguyễn Văn L, chị Nguyễn Thị G, chị Nguyễn Thị C2 (L2) mỗi người nhận tài sản chia thừa kế của cụ M2, cụ K bằng giá trị tiền do bà T, ông C1 giao cho 12.228.710 đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí dân sự sơ thẩm và quyền kháng cáo của các bên đương sự.

Ngày 31 tháng 05 năm 2021, nguyên đơn bà Tô Thị C kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm xét xử lại Bản án sơ thẩm số: 47/2023/DS-ST ngày 26 tháng 5 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Hoài Ân theo đúng quy định pháp luật.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về Tố tụng: Trong giai đoạn phúc thẩm, người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX) chấp nhận kháng cáo của bà Tô Thị C, hủy bản án sơ thẩm. Giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện Hoài Ân giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xét kháng cáo của bà Tô Thị C, HĐXX thấy rằng: Trong quá trình giải quyết vụ án, cấp sơ thẩm đã có những vi phạm như sau:

[1.1] Thứ nhất: Trong nội dung đơn khởi kiện đề ngày 20/4/2020, nguyên đơn bà Tô Thị C yêu cầu Tòa án buộc bà Tô Thị T phải trả lại khối tài sản của cha mẹ hai bà là cụ Tô Trung M2 và cụ Trần Thị K để lại. Tại Thông báo về việc thụ lý vụ án số: 28/TB-TLVA ngày 04/5/2020, cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật là “tranh chấp đòi lại tài sản”. Tuy nhiên, ngày 05/10/2021 cấp sơ thẩm lại ra Thông báo về việc thụ lý vụ án số: 02/TB-TLVA thay đổi quan hệ pháp luật của vụ án là “Tranh chấp về thừa kế tài sản, đòi trả lại tài sản” trong khi nguyên đơn bà Tô Thị C không có đơn khởi kiện bổ sung yêu cầu chia thừa kế. Việc chia thừa kế là yêu cầu khởi kiện mới vượt quá yêu cầu khởi kiện ban đầu, nhưng cấp sơ thẩm không hướng dẫn bà C làm đơn khởi kiện và cho bà C nộp tạm ứng án phí, mà vẫn thụ lý giải quyết là vi phạm quy định tại Điều 195 của Bộ Luật tố tụng dân sự. Hơn nữa, cấp sơ thẩm không giải quyết yêu cầu đòi lại tài sản, mà lại giải quyết yêu cầu chia thừa kế trong khi yêu cầu khởi kiện trong đơn khởi kiện là đòi lại tài sản, là vi phạm quy định tại Điều 5 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Thứ hai: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án là chị Nguyễn Thị C2 (L2) là người khuyết tật (bị câm điếc), nhưng khi lấy lời khai của chị C2, cấp sơ thẩm không mời người phiên dịch đặc biệt để tham gia phiên dịch trong quá trình lấy lời khai người khuyết tật (bị câm điếc) là vi phạm quy định tại Điều 20 của Bộ luật tố tụng dân sự

[1.3] Thứ ba, anh Nguyễn Thành C3 là người được hưởng thừa kế của cụ Tô Trung M2 và cụ Trần Thị K, nhưng cấp sơ thẩm không chia thừa kế cho anh Nguyễn Thành C3, với lý do quá trình giải quyết vụ án anh C3 không có mặt, là tước đoạt trái pháp luật quyền và lợi ích hợp pháp của anh C3. Mặt khác, cấp sơ thẩm nhận định anh C3 có quyền khởi kiện bằng một vụ án dân sự khác là không đúng quy định của pháp luật, vì di sản đã được chia xong thì cho dù anh C3 có khởi kiện thì cũng không còn tài sản gì để mà chia thừa kế. Hơn nữa, trong hồ sơ vụ án không có tài liệu, chứng cứ thể hiện việc anh C3 đã được tổng đạt bản án sơ thẩm nên anh C3 cũng không biết về phán quyết của Tòa án, để thực hiện quyền kháng cáo của mình.

[1.4] Thứ tư, ông Trần Quang C1 là chồng bà Tô Thị T không phải là người được hưởng thừa kế của cụ Tô Trung M2 và cụ Trần Thị K, nhưng cấp sơ thẩm lại quyết định cho ông C1 được cùng với bà T nhận, sở hữu nhà, đất, cây cối... là di sản của cụ M2, cụ K. Việc cấp sơ thẩm cho ông C1 được hưởng thừa kế của cụ M2, cụ K là trái với quy định tại Điều 651 của Bộ luật dân sự năm 2015, làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của các đồng thừa kế của cụ M2, cụ K.

[1.5] Cấp sơ thẩm không tiến hành xem xét, đo đạc diện tích thực tế của các thửa đất đối với thửa đất màu số 461, tờ bản đồ số 2 và thửa đất lúa số 774, tờ bản đồ số 01 mà lấy diện tích được ghi trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để giải quyết là không đủ cơ sở để đảm bảo được quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự. Hơn nữa, trong Biên bản định giá tài sản ngày 14/12/2021 không xác định giá đất ở theo giá thị trường, không định giá đất màu, đất lúa, nhưng cấp sơ thẩm vẫn giải quyết vụ án, là trái với quy định của pháp luật làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của các bên đương sự.

[1.6] Ngoài ra trong hồ sơ vụ án không có bài phát biểu ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa, là vi phạm Điều 262 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Từ những phân tích trên, xét thấy cấp sơ thẩm đã vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, kháng cáo của bà Tô Thị C là có căn cứ nên được HĐXX chấp nhận. Hủy bản án sơ thẩm, chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện Hoài Ân, tỉnh Bình Định giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

[3] Về án phí, chi phí tố tụng khác: Theo quy định tại khoản 3 Điều 148 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 3 Điều 29 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, thì án phí sơ thẩm sẽ được giải quyết khi giải quyết lại vụ án, bà Tô Thị C không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Chi phí tố tụng khác sẽ được giải quyết khi giải quyết lại vụ án.

[4] Ý kiến của Kiểm sát viên về việc tuân thủ pháp luật của những người tiến hành tố tụng, tham gia tố tụng tại cấp phúc thẩm, cũng như ý kiến về việc giải quyết vụ án là phù hợp với nhận định của HĐXX.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 148, khoản 3 Điều 308, Điều 310 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Căn cứ khoản 3 Điều 29 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận kháng cáo của bà Tô Thị C. Hủy toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số: 47/2023/DS-ST ngày 26 tháng 5 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Hoài Ân, tỉnh Bình Định.

2. Về án phí, chi phí tố tụng khác:

2.1. Án phí dân sự sơ thẩm, chi phí tố tụng khác sẽ được giải quyết khi giải quyết lại vụ án.

2.2 Án phí dân sự phúc thẩm: Hoàn trả lại cho bà Tô Thị C 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí nộp, theo Biên lai thu số: 0010981 ngày 06/6/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hoài Ân, tỉnh Bình Định.

3. Chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện Hoài Ân giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Định;
- TAND huyện Hoài Ân;
- CCTHADS huyện H;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, Tòa dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Công Phương

THÀNH VIÊN HĐXX

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Thái Văn Hà Nguyễn Thanh T4

Võ Công Phương

Nơi nhận: TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

- VKSND tỉnh Bình Định; **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**
- TAND TX. An Nhơn;
- CC THADS TX. An Nhơn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Võ Công Phương

Đỗ T2. Về chi phí tố tụng: Bà Tiên, ông Công phải trả lại cho C3.781.500 đồng.

3. Về án phí sơ thẩm dân sự chia tài sản:

- Bà Tô Thị Ca nộp 7.184.367 đồng được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0006071 ngày 04-5-2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hoài Ân, còn phải nộp 6.884.367 đồng.

- Chị Nguyễn Thị Gái nộp 614.435 đồng.

- Bà Tiên, ông Công, ông Lơn là người cao tuổi; chị Lệ là người khuyết tật nên được miễn án phí theo quy định.

hị Thẩm Phan Minh Dũng

Võ Công Phương

NHẬN ĐỊNH CỦA CẤP SƠ THẨM

Qua xem xét toàn bộ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và qua kết quả tranh tụng, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Bà Tô Thị Ca, bà Tô Thị Tiên có hộ khẩu tại Ân Tường Đông, Hoài Ân, Bình Định. Tài sản tranh chấp gồm: Nhà ở, quyền sử dụng đất tại thôn Diêu Tường, xã Ân Tường Đông, huyện Hoài Ân, tỉnh Bình Định. Bà Ca yêu cầu chia thừa kế tài sản theo pháp luật nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hoài Ân, tỉnh Bình Định. Quan hệ pháp luật được xác định: “Tranh chấp về thừa kế tài sản” quy định tại khoản 5 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về quyền, nghĩa vụ của đương sự: Trong quá trình giải quyết, Tòa án đã giải thích về quyền, nghĩa vụ của các bên theo quy định pháp luật, bị đơn

không yêu cầu phân tố; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không yêu cầu độc lập.

[3]. Về sự vắng mặt của đương sự: Đã được thông báo, triệu tập hợp lệ, có đương sự vắng mặt lần thứ 2, có đương sự làm đơn xin vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vụ án.

[4]. Xác định tài sản đang tranh chấp.

[4.1]. Ông Tô Trung Mỹ, bà Trần Thị Ký được Nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tên Tô Trung Mỹ có tổng diện tích 2.985m², theo số 01542 QSDĐ/C11 ngày 06 tháng 9 năm 1997, các thửa đất số 543, tờ bản đồ số 02, diện tích (đất ở 400m², đất vườn 1.170m²); Thửa đất màu số 461, tờ bản đồ số 02, diện tích 275m²; Thửa đất lúa số 774, tờ bản đồ số 01, diện tích 1.140m².

- Ngày 21 tháng 11 năm 1998 ông Mỹ, bà Ký có tổ chức họp gia đình viết một bản phân công kế nghiệp và phụng dưỡng. Nội dung giao cho ông Tô Trung Minh là con trai ông Mỹ có trách nhiệm chăm sóc cha mẹ tuổi già và thờ cúng. Ông Minh xác định: Không có khả năng để đảm nhiệm nên giao lại cho Tô Thị Ca và chồng Trần Tiến Bình. Tuy nhiên sau đó bà Ca, ông Bình không thực hiện nên ngày 09 tháng 4 năm 2002 ông Mỹ nhờ người cháu Nguyễn Văn Hà viết giấy ủy quyền giao cho Tô Trung Minh toàn bộ tài sản và quyền sử dụng đất để lo chăm sóc cha mẹ.

- Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án, Tòa án xác định: Bản phân công kế nghiệp và phụng dưỡng do ông Mỹ, bà Ký lập ngày 21 tháng 11 năm 1998 không được thực hiện nên không có hiệu lực. Giấy ủy quyền của Tô Trung Mỹ, do Nguyễn Văn Hà viết ngày 09 tháng 4 năm 2002, đến tháng 6 năm 2002 ông Mỹ chết là hết hiệu lực.

- Tại Toà án, các bên xác định ông Mỹ, bà Ký chết để lại tài sản của gồm: Ngôi nhà cấp 4 (nhà trên, nhà dưới), 01 giếng nước, 02 cây Mít, quyền sử dụng đất theo giấy chứng nhận số 01542 QSDĐ/C11 ngày 06 tháng 9 năm 1997 tên Tô Trung Mỹ. Năm 2015, nhà dưới hư sập, vợ chồng bà Tiên đã xây dựng lại bằng tiền của vợ chồng bà Tiên nên chỉ còn nhà trên, Toà án đã định giá có tổng giá trị là 509.529.600 đồng; Trong đó: Ông Mỹ, bà Ký mỗi người được sở hữu 1/2 với giá trị là 254.764.800 đồng.

[4.2]. Ông Mỹ, bà Ký chết không có di chúc nên tài sản được chia thừa kế theo pháp luật. Những người ở hàng thừa kế thứ nhất của Tô Trung Mỹ, Trần Thị Ký được xác định như sau:

- Ông Mỹ có 02 người con chung tên Tô Thị Ca, Tô Thị Tiên. Ông Mỹ có 02 người con riêng tên Tô Văn Minh, Tô Thị Ly.

- Bà Ký có 02 người con chung tên Tô Thị Ca, Tô Thị Tiên, có 02 người con riêng tên Hoàng Đình Luận, Huỳnh Đình Tá nên mỗi người ở hàng thừa kế thứ nhất được hưởng phần suất như nhau.

+ Phần bà Ký: Giá trị tài sản 254.764.800 đồng, bà Ký chết năm 1999 nên được chia cho 05 người (chồng và 04 người con) gồm: Ông Mỹ, bà Tiên, bà Ca, ông Luận, ông Tá) mỗi người được nhận 50.952.960 đồng.

+ Phần ông Mỹ: Giá trị tài sản 254.764.800 đồng và phần hưởng thừa kế của bà Ký 50.952.960 đồng bằng 305.717.760 đồng chia cho 05 người gồm: Bà Tiên, bà Ca, ông Minh, bà Ly) mỗi người được nhận 61.143.552 đồng. Trong đó bà Tiên được nhận 01 kỷ phần (giá trị 61.143.552 đồng) do có công quản lý trông coi, chăm sóc cây, sửa chữa nhà ở, bồi bổ đất.

- Phần bà Ly: Chồng và các con được hưởng thừa kế theo pháp luật. 61.143.552 đồng/5 người bằng mỗi người nhận 12.228.710 đồng. Anh Nguyễn Văn Ngọc không nhận và tự nguyện giao phần hưởng thừa kế cho bà Tiên, bà Ca chia nên bà Tiên, bà Ca mỗi người được nhận 6.114.355 đồng.

- Phần ông Luận: Vợ và các con được hưởng thừa kế theo pháp luật. 50.952.960 đồng chia cho 06 người bằng mỗi người nhận 8.492.160 đồng. Bà Liên, anh Du, anh Duy, anh Phi, chị Nhơn, anh Nghĩa tự nguyện không nhận và giao phần hưởng thừa kế cho bà Tiên, bà Ca chia nên bà Tiên, bà Ca mỗi người được nhận 25.476.480 đồng.

- Phần bà Tiên: Nhận của cha, mẹ, của ông Minh, ông Tá, anh Ngọc, của vợ và con ông Luận bằng 255.784.056 đồng.

- Phần bà Ca: Nhận của cha, mẹ, của anh Ngọc, của vợ và con ông Luận bằng 143.687.347 đồng.

Hiện bà Tiên, ông Công đang quản lý, sử dụng toàn bộ tài sản của ông Mỹ, bà Ký bằng tổng giá trị 509.529.600 đồng. Bà Tiên phải trả cho các thừa kế gồm: Trả cho bà Ca 154.981.920 đồng, trả cho ông Lon, anh Chinh, chị Gái, chị Lệ mỗi người 12.228.710 đồng bằng 48.914.840 đồng.

[4.3]. Xét yêu cầu của nguyên đơn Tô Thị Ca.

Tài sản của ông Mỹ, bà Ký chưa chia thừa kế, hai người chết không có di chúc, nay bà Ca yêu cầu chia thừa kế của ông Mỹ, bà Ký theo pháp luật là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Tại Tòa án, bà Ca yêu cầu nhận nhà, quyền sử dụng đất là đúng pháp luật. Tuy nhiên, khi ông Mỹ, bà Ký chết cho đến nay đã trên 20 năm, nhà ở đã xuống cấp, một phần bị hư hỏng không còn, quyền sử dụng đất bà Tiên quản lý, sử dụng đã xây dựng công trình kiên cố, trồng cây lâu năm đã lớn, diện tích đất còn lại không phù hợp với việc phân chia nên không thể chia giao cho bà Ca được. Tài sản đã được Tòa án định giá theo quy định nên giao bà Ca bằng giá trị tiền là phù hợp. Do vậy cần buộc bà Tiên, ông Công là người quản lý tài sản của ông Mỹ, bà Ký trả cho bà Ca phần thừa kế với số tiền đã được tính chia bằng 143.687.347 đồng.

[4.4]. Đối với ý kiến của bị đơn Tô Thị Tiên, Trần Quang Công.

Bà Tiên, ông Công thừa nhận đang quản lý, sử dụng tài sản của ông Mỹ, bà Ký để lại thừa kế, nhưng do trước kia bà Tiên đã thỏa thuận cắt giao nhà, quyền sử dụng đất cho bà Ca, bà Ca không nhận nên nay không đồng ý với khởi kiện chia thừa kế của bà Ca. Tuy nhiên, tại Tòa án bà Tiên thừa nhận tài sản thừa kế của ông Mỹ, bà Ký để lại chưa chia nên bà Ca yêu cầu chia là đúng pháp luật. Phần bà Tiên được nhận thừa kế với giá trị 255.784.056 đồng. Hiện tại bà Tiên, ông Công đang quản lý sử dụng tài sản thừa kế của ông Mỹ, bà Ký để lại nên cần buộc bà Tiên, ông Công phải trả số tiền giá trị chia thừa kế cho bà Ca bằng 143.687.347 đồng là phù hợp. Trả số tiền giá trị chia thừa kế cho các thừa kế: Ông Nguyễn Văn Lớn, chị Nguyễn Thị Giá, chị Nguyễn Thị Lệ với số tiền của mỗi người là 12.228.710 đồng, bà Tiên được trọn quyền sở hữu tài sản thừa kế của ông Mỹ, bà Ký.

Tại Tòa án, bà Tiên xác định: Trước kia bà có ngôi nhà cũ đã bán và dùng số tiền đó về tu sửa lại phần ngôi nhà dưới của cha, mẹ bị hư sập, trồng cây trên thửa đất 543, chăm sóc ông Mỹ, hiện nay bà Tiên không có nơi ở nào khác. Từ khi ông Mỹ chết, bà Tiên có công trông coi bảo quản nhà ở, trồng và chăm sóc cây, bồi bổ đất trên thửa đất số 543, 461 mới tồn tại được tài sản như ngày hôm nay. Tại phiên tòa, bà Tiên yêu cầu được nhận số tiền công trông coi bảo quản nhà ở, trồng và chăm sóc cây, bồi bổ đất bằng giá trị tiền tương đương với 01 phần xuất thừa kế của ông Mỹ là 61.143.552 đồng theo pháp luật là phù hợp với Án lệ số: 05/2016, ngày 06 tháng 4 năm 2016 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Bà Tiên được nhận thừa kế với số tiền 255.784.056 đồng và tiền công trông coi bảo quản 61.143.552 đồng bằng tổng cộng 316.927.608 đồng.

[4.5]. Đối với ý kiến của của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà Liên, anh Du, anh Duy, anh Phi, chị Nhân, anh Nghĩa, anh Ngọc từ chối không nhận thừa kế, tự nguyện giao cho bà Tiên, bà Ca chia theo pháp luật là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

- Ông Minh, ông Tá từ chối không nhận thừa kế và tự nguyện giao cho bà Tiên nhận là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

- Ông Lớn, chị Gái, chị Lệ yêu cầu nhận và đề nghị chia theo pháp luật là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận và buộc bà Tiên, ông Công phải trả cho ông Lớn, chị Gái, chị Lệ với số tiền mỗi người là 12.228.710 đồng.

Đối với Nguyễn Thành Chính, quá trình giải quyết vụ án, anh Chính không có mặt nên không được chia giao, anh Chính có quyền khởi kiện một vụ án dân sự khác theo quy định của pháp luật.

[5]. Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu:

- Về tố tụng: Thẩm phán giải quyết vụ án, Thư ký tiến hành tố tụng, Hội đồng xét xử, người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về giải quyết vụ án: Có căn cứ để chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, chia thừa kế theo pháp luật là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên ghi nhận.

Áp dụng Án lệ số: 05/2016, ngày 06 tháng 4 năm 2016 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao để xét xử vụ án là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6]. Về chi phí đo đạc, định giá tài sản: Bà Ca, bà Tiên phải chịu chi phí đo đạc đất, định giá tài sản theo quy định.

Bà Ca tạm ứng 7.563.000 đồng, bà Tiên, ông Công phải trả lại cho Ca 3.781.500 đồng.

[7]. Về án phí sơ thẩm dân sự: Căn cứ vào Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; buộc bà Ca, chị Gái nộp án phí. Bà Tiên, ông Công, ông Lơn là người cao tuổi nên được miễn. Chị Lệ là người khuyết tật nên được miễn.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 5 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, các Điều 163, 164, 165, 166, điểm d khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 235, khoản 1 Điều 266 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 468, 649, 650, 651 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Án lệ số 05/2016/HĐTP ngày 06 tháng 4 năm 2016 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao.

Căn cứ vào Điều 9, điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của bà Tô Thị Ca: Chia Thừa kế tài sản của Tô Trung Mỹ, Trần Thị Ký theo pháp luật.

1.1. Xác định: Tài sản để lại thừa kế của ông Mỹ, bà Ký gồm:

- Ngôi nhà cấp 4, 01 giếng nước, 02 cây Mít trên thửa đất số 543, tờ bản đồ số 02.

- Quyền sử dụng đất theo giấy chứng nhận QSDĐ tên Tô Trung Mỹ gồm: Thửa đất số 543, tờ bản đồ số 02, diện tích (đất ở 400m², đất vườn 1.170m²); Thửa đất màu số 461, tờ bản đồ số 02, diện tích 275m²; Thửa đất lúa số 774, tờ bản đồ số 01, diện tích 1.140m².

Với tổng giá trị tài sản là 509.529.600 đồng.

1.2. Bà Tô Thị Tiên, ông Trần Quang Công nhận, sở hữu:

+ Ngôi nhà cấp 4, 01 giếng nước, 02 cây Mít trên thửa đất số 543, tờ bản đồ số 02.

+ Quyền sử dụng đất theo giấy chứng nhận số 01542 QSDĐ/C11 ngày 06 tháng 9 năm 1997 tên Tô Trung Mỹ gồm: Thửa đất số 543, tờ bản đồ số 02, diện tích (đất ở 400m², đất vườn 1.170m²); Thửa đất màu số 461, tờ bản đồ số 02, diện tích 275m²; Thửa đất lúa số 774, tờ bản đồ số 01, diện tích 1.140m².

Bà Tiên, ông Công phải trả cho bà Ca số tiền giá trị chia thừa kế của ông Mỹ, bà Kế là 143.687.347 đồng. Trả cho ông Lon, chị Gái, chị Lệ với số tiền của mỗi người là 12.228.710 đồng.

1.3. Bà Tô Thị Ca nhận tài sản chia tài sản thừa kế của ông Mỹ, bà Ký bằng giá trị tiền do bà Tiên, ông Công giao cho 143.687.347 đồng.

1.3. Ông Nguyễn Văn Lon, chị Nguyễn Thị Gái, chị Nguyễn Thị Lệ mỗi người nhận tài sản chia tài sản thừa kế của ông Mỹ, bà Ký bằng giá trị tiền do bà Tiên, ông Công giao cho 12.228.710 đồng.

2. Về chi phí tố tụng: Bà Tiên, ông Công phải trả lại cho Ca 3.781.500 đồng.

3. Về án phí sơ thẩm dân sự chia tài sản:

- Bà Tô Thị Ca nộp 7.184.367 đồng được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0006071 ngày 04-5-2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hoài Ân, còn phải nộp 6.884.367 đồng.

- Chị Nguyễn Thị Gái nộp 614.435 đồng.

- Bà Tiên, ông Công, ông Lon là người cao tuổi; chị Lệ là người khuyết tật nên được miễn án phí theo quy định.

4. Về quyền, nghĩa vụ thi hành án.

4.1. Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi phát sinh đối với số tiền chậm trả tương ứng với số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

4.2. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Các bên đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm;

đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn

15

ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án hoặc niêm yết tại trụ sở chính quyền địa phương
nơi cư trú để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định xét xử phúc thẩm.